

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng
- Dự toán: Mua sắm hàng hóa tặng đoàn viên Công đoàn Công ty Honda Việt Nam ngày Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty Honda Việt Nam
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Địa điểm dự án: Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Thuế VAT: Giá gói thầu đang xác định thuế VAT theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- **Chủng loại:** Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “trương đương” đối với các thông tin về hàng hoá.

- Tiêu chuẩn hàng hóa:

+ **Chất lượng mới 100%**, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025-2026. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.

+ Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu cam kết có Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ (nếu hàng hoá nhập khẩu) và cung cấp các giấy tờ CO, CQ khi thực hiện hợp đồng.

+ Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế.

+ Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:

+ Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác

(nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành, cam kết sẵn sàng cung cấp 5% hàng hóa dự phòng trên tổng số lượng hàng hóa để thực hiện ngay công tác đổi hàng khi phát hiện các hàng hóa lỗi cần thay thế. Nhà thầu đề xuất thời gian và cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc sửa chữa, thay thế hàng hóa. Đối với các hàng hoá do Nhà thầu sửa chữa và thay thế, thời hạn bảo hành cho các hàng hoá này được tính từ ngày kết thúc việc sửa chữa, thay thế.

- Yêu cầu đóng gói: Nhà thầu có thuyết minh việc in ấn, đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Đóng gói hàng hóa để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Nhà thầu chịu trách nhiệm về in ấn bao bì, logo (nếu có) và chịu trách nhiệm về pháp lý bản quyền, chi phí đối với nhà sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu vận chuyển:

+ Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

+ Nhà thầu thuyết minh khả năng tự vận tải hàng hoá hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị vận tải hàng hoá (tài liệu kèm theo).

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá chính.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSMT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Bánh loại 1	I. Bánh loại 1

Cà Phê	<p>1. Thành phần: Bột mì, đường, bơ (14,8%), shortening, nhân sôcôla compound, hạt sôcôla, dừa sấy, hương liệu tổng hợp, chất tạo xốp (503(ii), 500(ii), 450(i)), muối, dầu thực vật (dầu cọ), chất tạo màu tổng hợp (160a(i)).</p> <p>2. Thời gian:</p> <p>- Ngày sản xuất: 15 tháng kể từ ngày sản xuất</p> <p>- Hạn sử dụng:</p> <p>+ Tối thiểu 30% (Áp dụng với hàng nhập khẩu)</p> <p>+ Tối thiểu 50% (Áp dụng với hàng sản xuất trong nước)</p> <p>3. Khối lượng tịnh: 540g</p> <p>4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì</p> <p>Bánh được cho vào chén giấy, sau đó cho vào hộp thiếc và cuối cùng đưa vào hộp giấy. Quy cách đóng gói: 540g</p> <p>5. Yêu cầu về an toàn thực phẩm</p> <p>Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:</p> <p>- <i>Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:</i></p> <p>+ QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc vi nấm trong thực phẩm</p> <p>+ QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm</p> <p>6. Các chỉ tiêu cảm quan:</p> <p>- Trạng thái (hình dạng và màu sắc): Bánh có nhiều hình dạng và hoa văn khác nhau: bánh tròn hoặc trên bề mặt và bên trong bánh có dừa sấy, hoặc có nhân sôcôla ở giữa. Kích thước các loại bánh phải cân đối và đồng đều. Nên bánh có màu vàng (màu của bánh nướng), nhân sôcôla có màu nâu. Bánh qua nướng không bị trắng hoặc cháy đen)</p> <p>- Cấu trúc: Giòn, xốp, dễ tan</p> <p>7. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Đảm bảo các chỉ tiêu sau đáp ứng theo quy định hiện hành: Tổng số vi sinh vật hiếu khí, E.Coli, Coliforms, Staphylococcus aureus, Bacillus cereus, Clostridium perfringens, Tổng số TB nấm men – nấm mốc.</p> <p>8. Hàm lượng kim loại nặng: Đảm bảo các chỉ tiêu sau đáp ứng theo quy định hiện hành: Pb, Cd.</p> <p>9. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8- 1:2011/BYT: Đảm bảo các chỉ tiêu sau đáp ứng theo quy định hiện hành: Hàm lượng Aflatoxin B1, Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2), Hàm lượng Ochratoxin A, Hàm lượng Zearalenone, Hàm lượng Deoxynivalenol (DON).</p>	
Hạt điều		
Trà túi lọc		
Mứt tết		
Rượu vang		
Mở rượu vang		
Túi và thiệp		

II. Cà phê

1. Thành phần: Đường, Bột kem không sữa { Siro Glucose, Dầu thực vật, Natri caseinate, chất ổn định (340ii,452i), chất nhũ hóa(471), chất chống đông vón(551), Muối}. Cà phê hòa tan 13%, Maltodextrin, Muối.

2. Các yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- *Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:*

+ QCVN 8-2:2011/BYT

+ QCVN 8-1:2011/BYT

3. Trọng lượng: 320 g

4. Quy cách đóng gói sản phẩm: 20 gói x 16 g

Sản phẩm được đóng gói trong hộp giấy hoặc túi PE theo quy cách hộp 320gr.

Chất liệu bao bì: sản phẩm được chứa trực tiếp trong bao bì màng ghép nhôm đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm

5. Thời gian

- Ngày sản xuất: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

- hạn sử dụng:

+ Tối thiểu 30% (áp dụng với hàng nhập khẩu)

+ Tối thiểu 50% (áp dụng với hàng sản xuất trong nước)

6. Yêu cầu cảm quan

- Trạng thái: Dạng bột, tơi, không đóng cục

- Màu sắc: màu nâu nhạt

- Mùi vị: Mùi thơm café đặc trưng, không có mùi thuốc, mùi lạ. Vị đặc trưng, không có vị lạ

7. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm $\leq 5\%$, Caffeine $\geq 0.25\%$

8. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Đảm bảo các chỉ tiêu sau đáp ứng theo quy định hiện hành: Tổng số vi sinh vật hiếu khí, E.Coli, Coliforms, Staphylococcus aureus, Bacillus cereus, Clostridium perfringens, Tổng số TB nấm men – nấm mốc.

9. Hàm lượng kim loại nặng: Đảm bảo các chỉ tiêu sau đáp ứng theo quy định hiện hành: Pb, Cd, As, Hg

10. Độc tố vi nấm đáp ứng theo quy định hiện hành: Ochratoxin A ≤ 10 .

III. Hạt điều

1. Thành phần: Hạt điều 99.58 % và muối 0.42%

2. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

- Hạn sử dụng:

+ Tối thiểu 30% (Áp dụng với hàng nhập khẩu)

+ Tối thiểu 50% (Áp dụng với hàng sản xuất trong nước)

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

+ Quy cách đóng gói: hộp 400g.

+ Sản phẩm đóng trong hộp nhựa, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định

4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;

- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

- Thông tư Quy định giới hạn tối đa thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm: Diquat – Không phát hiện

5. Chỉ tiêu hóa học

ST T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Yêu cầu
1	Năng lượng	Kcal/100g	TCVN 7088:2015	611
2	Carbohydrate	g/100g	TKM-TN-351	28,9
3	Protein (Nx6,25)	g/100g	TCVN 8125:2015	19,8
4	Chất béo	g/100g	TCVN6555:2017	46,3
5	Natri (Na)	Mg/100g	AOAC 969.23	184

IV. Trà túi lọc

1. Thành phần: 100% trà ô long

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hạn sử dụng:

+ Tối thiểu 30% (Áp dụng với hàng nhập khẩu)

+ Tối thiểu 50% (Áp dụng với hàng sản xuất trong nước)

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Quy cách đóng gói: 50 g (25 gói x 2 g) hoặc tùy theo nhu cầu của thị trường, nhu cầu kinh doanh của đơn vị. Khối lượng tịnh được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

- Chất liệu bao bì: Trà được chứa trong túi lọc, bên ngoài là màng ghép PET//MPET/ CPP ép kín. Đựng trong hộp giấy, bao ngoài bằng màng co. Chất liệu làm bao bì đạt yêu cầu đựng thực phẩm.

4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 8-2:2011/BYT

- Thông tư của Bộ, Ngành về an toàn thực phẩm.

5. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Đảm bảo các chỉ tiêu sau đáp ứng theo quy định hiện hành: Tổng số vi sinh vật hiếu khí, E.Coli, Coliforms, Salmonella, tổng số nấm men- tổng số nấm mốc.

6. Hàm lượng kim loại nặng:

Đảm bảo các chỉ tiêu sau đáp ứng theo quy định hiện hành:
Pb, Cd.,As, Hg

V. Mứt tết

1. Thành phần: Mứt bí, mứt cà rốt, mứt lạc, mứt dứa, mứt gừng, mứt sen, mứt quýt, mứt cà chua.

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Tối đa 60 ngày kể từ ngày sản xuất. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì.

3. Quy cách đóng gói: Sản phẩm được bao gói kín trong Túi PE, túi PP, hộp nhựa, hộp sắt hoặc hộp giấy đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

Khối lượng tịnh: 300gr

4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

+ Quy chuẩn quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT

+ Thông tư của Bộ, Ngành về an toàn thực phẩm.

5. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Khô ráo, không ẩm, không mốc, không gãy nát

- Màu sắc: Màu sắc đa dạng theo màu sắc tự nhiên của từng loại

- Mùi, vị: Hương thơm đặc trưng, vị ngọt

- Hình dạng: Theo khuôn mẫu

6. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Đảm bảo các chỉ tiêu sau đáp ứng theo quy định hiện hành: Tổng số vi sinh vật hiếu khí,

E.Coli, Coliforms, Staphylococcus aureus, Bacillus cereus, Clostridium perfringens, Tổng số TB nấm men – nấm mốc.

7. Các chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng ẩm $\leq 20\%$; Hàm lượng đường tổng số $\geq 30\%$; Hàm lượng glucit $\geq 40\%$; Độ axit ≤ 5 độ

VI. Rượu vang

1. Thành phần: Rượu lên men từ nho không qua chưng cất

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: không có hạn sử dụng

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói chai thủy tinh: 750ml,

4. Hàm lượng etanol: 13,5% \pm 2%

5. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống có cồn

6. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp
1	Hàm lượng etanol (ở 20°C)	% v/v	TCVN 556
2	Hàm lượng SO ₂	Mg/L	AOAC 94
3	Hàm lượng metanol	Mg/L	TCVN 801
4	Hàm lượng chì (Pb)	Mg/L	AOAC 20

VII. Mở rượu vang

- Dụng cụ, thiết bị, đồ khai rượu vang đa năng inox dùng để mở bia, rượu vang và dao nhỏ gọt hoa quả (màu đen)

- Chất liệu: inox

- Thiết kế: đẹp bền, an toàn cho người dùng

- Dễ dàng sử dụng

- Sản phẩm có thiết kế đẹp bền, sáng bóng đảm bảo có độ bền rất cao, bạn có thể tha hồ sử dụng mà không lo lắng sẽ nhanh chóng bị rỉ sét, ảnh hưởng đến những đồ ăn, thức uống bạn sử dụng.

VIII. Thông số kỹ thuật túi + thiệp ($\pm 2\%$)

		<p>Túi được làm từ chất liệu giấy IVORY 350 sử dụng hệ in màu CMYK cán mờ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quai túi được làm từ dây dù ánh kim, hai đầu bọc nhựa để cố định quai. - Kích thước túi: 22,5x44x29,5cm - Kích thước dây túi kéo dẫn: 40cm - Thiệp làm từ chất liệu giấy Ivory 250 hoặc Couche. - Kích thước thiệp: 148x210mm
--	--	---

1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán:

+ Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 3% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa.

- Tài chính:

+ Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, thiết kế in ấn (nếu có), dự phòng.

+ Nhà thầu có đề xuất cụ thể giá trị % thuế VAT của từng hàng hoá. Mức thuế suất giá trị gia tăng đối với các loại hàng hoá của các nhà thầu khi dự thầu được áp dụng chung với mức thuế suất giá trị gia tăng lập giá gói thầu. Việc xác định mức thuế VAT nhà thầu phải nộp khi thực hiện hợp đồng sẽ được xác định tại thời điểm nghiệm thu khối lượng công việc, bàn giao hàng hóa, căn cứ theo loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân... và được điều chỉnh khi có sự thay đổi về thuế VAT theo quy định.

- Bảo hành: Nhà thầu có thuyết minh đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đối với từng hàng hóa. Thời gian bảo hành của hàng hóa tối thiểu bằng hạn sử dụng của sản phẩm và theo công bố của nhà sản xuất (áp dụng điều kiện cao hơn). Nhà thầu cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc bảo hành trong thời gian 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

- Giao hàng:

+ Tại mỗi điểm nhà thầu giao hàng đến từng xưởng mà Chủ đầu tư chỉ định. Nhân viên giao hàng phải chuẩn bị đủ vật tư an toàn cần thiết như bình cứu hoả, áo bảo hộ có phản quang, đi giày, đeo khẩu trang, đảm bảo không có nồng độ cồn khi tham gia phát quà. Nhân sự tham gia phát quà phải có đầy đủ CCCD, đủ điều kiện an toàn lao động khi ra vào nhà máy khu công nghiệp, đủ sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm, giấy giới thiệu của công ty, số điện thoại, họ & tên.

+ Hàng hóa khi đến các đơn vị sử dụng phải được đóng thành phẩm bộ sản phẩm trước khi giao hàng. Khi phát tới tay người lao động về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết và thực hiện các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong thời gian 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu hoặc được nộp khi Chủ đầu tư có yêu cầu tại thời điểm đánh giá, đối chiếu tài liệu (nếu có văn bản yêu cầu) hoặc nộp đến Chủ đầu tư khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có văn bản yêu cầu). Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện. Địa điểm nộp hàng hóa cho đại diện Tư vấn tại trụ sở Tư vấn đánh giá E-HSDT.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác nghiệm thu.